

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH CÔNG H3D**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG H3D

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H3D INVESTMENT CORPORATION
PRODUCTION AND COMMERCIAL BUILDING SUCCESS JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109542106

3. Ngày thành lập: 08/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 7, Thôn Yên Nội, Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975236656

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
2.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
3.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
4.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
5.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
6.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
7.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
8.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Thu gom rác thải độc hại	3812
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
13.	Tái chế phế liệu	3830
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
16.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
18.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
22.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
23.	Bán buôn thực phẩm (trừ động vật hoang dã)	4632
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá)	4773
32.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết :Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
37.	Cho thuê xe có động cơ	7710
38.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
39.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
40.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
41.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết : cho thuê lại lao động	7830
42.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
43.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)

44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình thủy	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc	7110
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
64.	Bốc xếp hàng hóa	5224
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
71.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
74.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
76.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
80.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
83.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
84.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
85.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
86.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
87.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

6. Vốn điều lệ: 5.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 560.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THANH HẢI	Số 12/54 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	112.000	1.120.000.000	20,000	030086010897	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	112.000	1.120.000.000	20,000		
2	NGUYỄN QUANG HỌC	Xóm 7, thôn Yên Nội, Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	112.000	1.120.000.000	20,000	111599441	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	112.000	1.120.000.000	20,000		

3	NGHIÊM XUÂN DŨNG	Thôn Vị Giang, Xã Chí Hòa, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	224.000	2.240.000.000	40,000	0340870122 11
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	224.000	2.240.000.000	40,000	
4	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Thôn Hữu Nghi, Xã Ninh Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	112.000	1.120.000.000	20,000	121608227
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	112.000	1.120.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGHIÊM XUÂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034087012211

Ngày cấp: 03/06/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vị Giang, Xã Cộng Hòa, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Vị Giang, Xã Cộng Hòa, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội